

Bản án số: 20/2018/HSST

Ngày: 27/4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh; ông Võ Hồng Nam.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký TAND huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên VKSND huyện Nam Sách.

Ngày 27/4/2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/HSST ngày 23/03/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 16/4/2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn B - sinh năm 1966;

ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/10; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị C;

Vợ là: Nguyễn Thị L;

Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1998;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 09/12/2015, TAND huyện T xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Chưa được xóa án tích.

Ngày 13/7/2016, TAND huyện T xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 15/9/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở giáo dục;

Ngày 03/12/2001, Công an huyện K xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/01/2018 tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương;

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt

Người làm chứng: Anh Phạm An T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 25/01/2018, Bùi Văn B đi xe mô tô Biển kiểm soát 34M7-5451 từ nhà ở thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương đến khu vực xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương để tìm mua chuối. Khoảng 08 giờ 30 phút, B đến nhà chị Đinh Thị H ở thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương thì dựng xe ở cổng và đi bộ vào hỏi chị H màu sơn nhà. Khi vào trong phòng ngủ phía bên phải cạnh cầu thang, phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37 của chị H đang sạc pin để trên tủ nhựa thì B nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng chị H đi ra ngoài sân để trông con, B lén lút lấy và rút chiếc điện thoại trên vào túi áo khoác phía bên trái rồi ra lấy xe đi về. Khi ra đến sân, do điện thoại có chuông nên bị chị H phát hiện và yêu cầu trả lại. B lấy điện thoại trong túi áo phía bên trái ra đưa cho chị H và tiếp tục đi bộ ra cổng để lấy xe đi về. Khi phát hiện hành vi trộm cắp tài sản, chị H đã hô hoán người dân bắt và giao B cùng tang vật cho Công an xã T lập biên bản giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KLĐGTS 25/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, UBND huyện N kết luận: 01 điện thoại di động OPPO A37, bên ngoài bọc ốp nhựa cứng viền đen, mặt hồng thời điểm định giá chiếc điện thoại có giá trị 1.825.000 đồng và chiếc ốp điện thoại có giá 50.000 đồng. Tại biên bản kiểm tra điện thoại xác định tài khoản gốc của sim là 31.235đ.

Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A37 màu hồng có gắn sim số 0964436885 và 01 ốp điện thoại đã được trả lại cho chủ sở hữu chị Đinh Thị H là chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe moto Biển kiểm soát 34M7-5451 và 01 đăng ký xe moto tên Bùi Văn L đang được quản lý tại kho vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 23/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Bùi Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS; Tuyên bố: Bùi Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Xử phạt: B từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự ; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34M7-545, trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho chị L; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người người bị hại, người làm

chứng phù hợp với biên bản vụ việc, kết luận định giá tài sản và tang vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Bùi Văn B có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 25/01/2018, tại gia đình chị Đinh Thị H ở thôn X, xã T, huyện N, lợi dụng sơ hở, Bùi Văn B có hành vi lén lút lấy 01 điện thoại Oppo A37 trị giá 1.825.000đ, bên ngoài bọc ốp nhựa trị giá 50.000đ, tài khoản trong sim điện thoại 31.000đ của chị H, tổng trị giá 1.906.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự công cộng. Bị cáo Bùi Văn B có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích (Bản án số 66 ngày 09/12/2015, TAND huyện T xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; bản án số 31 ngày 13/7/2016, TAND huyện T xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 chấp hành xong ngày 01/9/2017) lại tiếp tục có hành vi lợi dụng sơ hở của người bị hại lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 1.906.000đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do đã áp dụng là tình tiết định tội nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra bị cáo còn có 1 lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, 01 lần được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thị trấn, được xóa tiền sự. Qua đó đánh giá bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử lý hình sự, hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó là bài học để tu dưỡng, sửa đổi mà lại tiếp tục có hành vi vi phạm. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 BLHS có quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp nên hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đinh Thị H đã nhận lại được tài sản bị mất, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A37 gắn sim số 0964436885 và 01 ốp điện thoại Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu chị Đinh Thị H là phù hợp. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 34M7-5451 bị cáo B sử dụng vào việc phạm tội và 01 đăng ký xe mang tên Bùi Văn L là tài sản chung của bị cáo B và vợ là chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe đó để đi trộm cắp tài sản nên tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe đó cho chị L, theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn B** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn B **08 (Tám)** tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giam 27/01/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc Dream BKS 34M7-5451 (kèm theo là 01 đăng ký xe mang tên Bùi Văn L); Trả lại chị Nguyễn Thị L $\frac{1}{2}$ giá trị của chiếc xe.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nam Sách và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ngày 28/3/2018)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Bùi Văn B phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

4. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Công an huyện Nam Sách;
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND xã T, huyện K;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy